

Số: 13 /2022/NQ-HĐND

Bến Tre, ngày 13 tháng 7 năm 2022

**NGHỊ QUYẾT**

**Ban hành Quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Bến Tre**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE  
KHÓA X - KỲ HỌP THỨ 5**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;*

*Căn cứ Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;*

*Xét Tờ trình số 3763/TTr-UBND ngày 17 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc xin ban hành Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Bến Tre; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của

ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.
3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre khoá X, kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 13 tháng 7 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 23 tháng 7 năm 2022/.

### **Nơi nhận:**

- Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Lao động TB&XH;
- Cục Kiểm tra VBQLPL - Bộ Tư pháp;
- Kiểm toán Nhà nước khu vực IX;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đại biểu Quốc hội đơn vị tỉnh Bến Tre;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các Sở: KH&ĐT, TC, LĐ-TB&XH, TP;
- Văn phòng: ĐDBQH&HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- TT.HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Báo Đồng Khởi, Đài PT-TH tỉnh;
- Trang TTĐTUBND tỉnh Bến Tre, Trung tâm TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**



**Hồ Thị Hoàng Yến**



**QUY ĐỊNH**

**Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn  
ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương  
thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững  
giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Bến Tre**  
(Kèm theo Nghị quyết số **13** /2022/NQ-HĐND  
ngày **13** tháng **7** năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre)

**Chương I  
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các huyện, thành phố và đơn vị sử dụng kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

b) Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến việc lập, thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm từ nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

**Điều 2. Nguyên tắc phân bổ vốn ngân sách trung ương thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025**

Theo quy định tại Điều 3 Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025.

**Điều 3. Quy định chung về tiêu chí phân bổ vốn**

Theo quy định tại Điều 4 Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025.

**Chương II  
NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ**



#### **Điều 4. Tiêu chí, hệ số, định mức và phương pháp tính, xác định phân bổ vốn từng Dự án**

1. Dự án 1: hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn (sau đây viết tắt là ĐBK) vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo.

a) Vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững hỗ trợ 90%/tổng mức đầu tư (không bao gồm chi phí giải phóng mặt bằng) thực hiện các công trình, dự án để phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội trên địa bàn các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo. 10% còn lại do địa phương đối ứng.

Đối với 10% vốn đối ứng của địa phương, giao Hội đồng nhân dân cấp huyện quyết định mức hỗ trợ từ ngân sách huyện, xã.

b) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn đối với xã ĐBK vùng bãi ngang, ven biển: Được tính hệ số là 1. Riêng xã Hưng Phong - huyện Giồng Trôm tiêu chí và hệ số phân bổ vốn là 1,5.

c) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho các xã

Vốn đầu tư phát triển của ngân sách trung ương phân bổ cho xã ĐBK vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo được tính theo công thức:  $B_i = Q \cdot X_i$ . Trong đó:

- $B_i$  là vốn ngân sách trung ương phân bổ cho xã thứ  $i$ .
- $X_i$  là hệ số tiêu chí của xã thứ  $i$ .
- $Q$  là vốn bình quân cho một xã được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i}$$

-  $G$  là tổng số vốn đầu tư phát triển của ngân sách trung ương phân bổ cho các xã ĐBK vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo để thực hiện Dự án 1.

Vốn sự nghiệp duy tu bảo dưỡng: bằng 10% tổng vốn đầu tư phát triển của ngân sách trung ương theo kế hoạch vốn đầu tư phát triển trung hạn của tỉnh.

2. Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo

a) Vốn sự nghiệp từ nguồn ngân sách Trung ương thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững hỗ trợ 90%/tổng kinh phí thực hiện đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo cho các huyện, thành phố. 10% còn lại do ngân sách tỉnh, huyện, thành phố đối ứng.

b) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho cấp huyện

- Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của cấp huyện

<b>Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo</b>	<b>Hệ số</b>
Dưới 5%	0,5
Từ 5% đến dưới 10%	0,6
Từ 10% đến 20%	0,7

- Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo cấp huyện

Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo	Hệ số
Dưới 2.000 hộ	0,5
Từ 2.000 đến dưới 3.000 hộ	0,6
Từ 3.000 đến dưới 4.000 hộ	0,7
Từ 4.000 đến dưới 6.000 hộ	0,8
Từ 6.000 hộ trở lên	0,9

- Tiêu chí 3: Địa bàn khó khăn

Địa bàn khó khăn	Hệ số
Mỗi một xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển	0,015

- Tiêu chí 4: Số đơn vị hành chính cấp xã của cấp huyện

Số đơn vị hành chính cấp xã	Hệ số
Dưới 15 xã	1,3
Từ 15 đến dưới 20 xã	1,5
Từ 20 xã trở lên	2

c) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho cấp huyện

Vốn ngân sách trung ương phân bổ được tính theo công thức:

$$C_i = Q \cdot X_i \cdot Y_i$$

Trong đó:

$C_i$  là vốn ngân sách trung ương phân bổ cho huyện thứ  $i$ .

$X_i$  là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện thứ  $i$ .

$Y_i$  là tổng hệ số tiêu chí vùng khó khăn, số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ  $i$  theo công thức:  $Y_i = (0,015 \cdot XN_i) \times 2,5 + ĐV_i$ .

$XN_i$  là số xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển của huyện thứ  $i$ .

$ĐV_i$  là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ  $i$ .

$Q$  là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i \cdot Y_i}$$

$G$  là tổng số vốn ngân sách trung ương phân bổ để thực hiện Dự án 2 của Chương trình.

3. Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng

a) Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp

Vốn sự nghiệp từ nguồn ngân sách Trung ương thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững hỗ trợ 90%/tổng kinh phí thực hiện phát triển sản



xuất trong lĩnh vực nông nghiệp cho các huyện, thành phố. 10% còn lại do ngân sách tỉnh, huyện, thành phố đối ứng.

Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho cấp huyện.

Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của cấp huyện

<b>Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo</b>	<b>Hệ số</b>
Dưới 5%	0,5
Từ 5% đến dưới 10%	0,6
Từ 10% đến 20%	0,7

- Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo cấp huyện

<b>Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo</b>	<b>Hệ số</b>
Dưới 2.000 hộ	0,5
Từ 2.000 đến dưới 3.000 hộ	0,6
Từ 3.000 đến dưới 4.000 hộ	0,7
Từ 4.000 đến dưới 6.000 hộ	0,8
Từ 6.000 hộ trở lên	0,9

- Tiêu chí 3: Địa bàn khó khăn

<b>Địa bàn khó khăn</b>	<b>Hệ số</b>
Mỗi một xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo	0,015

- Tiêu chí 4: Số đơn vị hành chính cấp xã của cấp huyện

<b>Số đơn vị hành chính cấp xã</b>	<b>Hệ số</b>
Dưới 15 xã	1,3
Từ 15 đến dưới 20 xã	1,5
Từ 20 xã trở lên	2

Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho cấp huyện:

Vốn ngân sách trung ương phân bổ được tính theo công thức:

$$\mathbf{Đ_i = Q.X_i.Y_i}$$

Trong đó:

$\mathbf{Đ_i}$  là vốn ngân sách trung ương phân bổ cho huyện thứ i.

$\mathbf{X_i}$  là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện thứ i.

$\mathbf{Y_i}$  là tổng hệ số tiêu chí vùng khó khăn, số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ i theo công thức:  $\mathbf{Y_i = (0,015.XN_i) \times 2,5 + ĐV_i}$ .

$\mathbf{XN_i}$  là số xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển của huyện thứ i.

$\mathbf{ĐV_i}$  là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ i.

Q là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i.Y_i}$$

G là tổng số vốn ngân sách trung ương phân bổ cho cấp huyện để thực hiện Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 3 của Chương trình.

b) Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng

Vốn sự nghiệp từ nguồn ngân sách Trung ương thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững hỗ trợ 90%/tổng kinh phí thực hiện tiểu dự án Cải thiện dinh dưỡng cho các huyện, thành phố. 10% còn lại do ngân sách tỉnh, huyện, thành phố đối ứng.

Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho cấp huyện

- Tiêu chí 1: Địa bàn khó khăn

Địa bàn khó khăn	Hệ số
Mỗi một xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển	0,015

- Tiêu chí 2: Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện

Số đơn vị hành chính cấp xã	Hệ số
Dưới 15 xã	1,3
Từ 15 đến dưới 20 xã	1,5
Từ 20 xã trở lên	2

- Tiêu chí 3: Tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi của trẻ em dưới 5 tuổi của cấp huyện

Tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi của trẻ em dưới 5 tuổi	Hệ số
Trên 20%	1,6
Từ 15% đến 20%	1,4
Từ 10% đến dưới 15%	1,2
Dưới 10%	1

Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thấp còi theo số liệu năm 2020 của Bộ Y tế.

Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho cấp huyện:

Vốn ngân sách trung ương phân bổ được tính theo công thức:

$$E_i = Q.Y_i.DD_i$$

Trong đó:

$E_i$  là vốn ngân sách trung ương phân bổ cho huyện thứ i.

$DD_i$  là hệ số tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi trẻ em dưới 5 tuổi của huyện thứ i.



$Y_i$  là tổng hệ số tiêu chí địa bàn khó khăn, số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ  $i$  theo công thức:  $Y_i = (0,015.XN_i) \times 3 + ĐV_i$ .

$XN_i$  là số xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển của huyện thứ  $i$ .

$ĐV_i$  là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ  $i$ .

$Q$  là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n Y_i DDI}$$

$G$  là tổng số vốn ngân sách trung ương để phân bổ cho các huyện, thành phố để thực hiện Tiêu dự án 2 thuộc Dự án 3 của Chương trình.

4. Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững

a) Tiêu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng khó khăn

Vốn sự nghiệp từ nguồn ngân sách Trung ương thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững hỗ trợ 90%/tổng kinh phí thực hiện hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người dân sinh sống trên địa bàn xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển. 10% còn lại do ngân sách tỉnh, huyện đối ứng.

Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho cấp huyện:

- Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của cấp huyện

Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo	Hệ số
Dưới 5%	0,5
Từ 5% đến dưới 10%	0,6
Từ 10% đến 20%	0,7

- Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo cấp huyện

Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo	Hệ số
Dưới 2.000 hộ	0,5
Từ 2.000 đến dưới 3.000 hộ	0,6
Từ 3.000 đến dưới 4.000 hộ	0,7
Từ 4.000 đến dưới 6.000 hộ	0,8
Từ 6.000 hộ trở lên	0,9

- Tiêu chí 3: Địa bàn khó khăn

Địa bàn khó khăn	Hệ số
Mỗi một xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo	0,015

- Tiêu chí 4: Số đơn vị hành chính cấp xã của cấp huyện

Số đơn vị hành chính cấp xã	Hệ số
-----------------------------	-------



Dưới 15 xã	1,3
Từ 15 đến dưới 20 xã	1,5
Từ 20 xã trở lên	2

- Tiêu chí 5: Số lượng tuyển sinh trên địa bàn huyện

Số lượng tuyển sinh	Hệ số
Dưới 1.000 người/năm	0,5
Từ 1.000 người/năm đến dưới 2.000 người/năm	0,6
Từ 2.000 người/năm trở lên	0,7

Số lượng tuyển sinh trên địa bàn huyện để tính hệ số được xác định căn cứ vào số liệu kết quả tuyển sinh năm 2020 do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội công bố.

Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho cấp huyện:

Vốn ngân sách trung ương phân bổ được tính theo công thức:

$$K_i = Q.X_i$$

Trong đó:

$K_i$  là vốn ngân sách trung ương phân bổ cho huyện thứ  $i$ .

$X_i$  là tổng số các hệ số tiêu chí của huyện thứ  $i$  theo công thức:

$$X_i = TL_i + QM_i + 0,015.XN_i + ĐV_i + TS_i$$

$TL_i$  là hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện thứ  $i$ .

$QM_i$  là hệ số tiêu chí tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện thứ  $i$ .

$XN_i$  là số xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển của huyện thứ  $i$ .

$ĐV_i$  là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ  $i$ .

$TS_i$  là hệ số tiêu chí số lượng tuyển sinh các đối tượng của Tiểu dự án trên địa bàn huyện thứ  $i$ .

$Q$  là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i}$$

$G$  là tổng số vốn sự nghiệp ngân sách trung ương phân bổ cho các địa phương thực hiện Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 4 của Chương trình để hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người dân sinh sống trên địa bàn xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển.

b) Tiểu dự án 2: Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng

Vốn sự nghiệp từ nguồn ngân sách Trung ương thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững hỗ trợ 90%/tổng kinh phí thực hiện hỗ trợ người lao

động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng cho các sở, ngành tỉnh. 10% còn lại do ngân sách tỉnh đối ứng.

Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho cấp huyện:

- Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của cấp huyện

Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo	Hệ số
Dưới 5%	0,5
Từ 5% đến dưới 10%	0,6
Từ 10% đến 20%	0,7

- Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo cấp huyện

Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo	Hệ số
Dưới 2.000 hộ	0,5
Từ 2.000 đến dưới 3.000 hộ	0,6
Từ 3.000 đến dưới 4.000 hộ	0,7
Từ 4.000 đến dưới 6.000 hộ	0,8
Từ 6.000 hộ trở lên	0,9

- Tiêu chí 3: Địa bàn khó khăn

Địa bàn khó khăn	Hệ số
Mỗi một xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo	0,015

Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho cấp huyện:

Vốn ngân sách trung ương phân bổ cho từng huyện được tính theo công thức:

$$L_i = Q \cdot X_i \cdot Y_i$$

Trong đó:  $L_i$  là vốn ngân sách trung ương phân bổ cho huyện thứ  $i$ .

$X_i$  là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện thứ  $i$ .

$Y_i$  là tổng hệ số tiêu chí vùng khó khăn của huyện thứ  $i$  quy định tại theo công thức:  $Y_i = 0,015 \cdot XN_i$ .

$XN_i$  là số xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển của huyện thứ  $i$ .

$Q$  là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i \cdot Y_i}$$

$G$  là tổng số vốn ngân sách trung ương để phân bổ cho các huyện thực hiện Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 4 của Chương trình.

c) Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững



Vốn từ nguồn ngân sách Trung ương thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững hỗ trợ 90%/tổng kinh phí thực hiện hỗ trợ việc làm bền vững cho các sở, ban ngành tỉnh. 10% còn lại do ngân sách tỉnh đối ứng.

Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho cấp huyện:

- Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của cấp huyện

<b>Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo</b>	<b>Hệ số</b>
Dưới 5%	0,5
Từ 5% đến dưới 10%	0,6
Từ 10% đến 20%	0,7

- Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo cấp huyện

<b>Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo</b>	<b>Hệ số</b>
Dưới 2.000 hộ	0,5
Từ 2.000 đến dưới 3.000 hộ	0,6
Từ 3.000 đến dưới 4.000 hộ	0,7
Từ 4.000 đến dưới 6.000 hộ	0,8
Từ 6.000 hộ trở lên	0,9

- Tiêu chí 3: Lực lượng lao động từ đủ 15 tuổi trở lên trên địa bàn huyện

<b>Huyện có lực lượng lao động từ đủ 15 tuổi trở lên</b>	<b>Hệ số</b>
Dưới 30.000 người	1
Từ 30.000 đến dưới 60.000 người	1,3
Từ 60.000 đến dưới 90.000 người	1,6
Từ 90.000 đến dưới 120.000 người	1,9
Từ 120.000 đến dưới 150.000 người	2,2
Từ 150.000 người trở lên	2,5

Lực lượng lao động từ đủ 15 tuổi trở lên trên địa bàn cấp huyện căn cứ vào số liệu công bố năm 2020 của Cục thống kê.

Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho cấp huyện:

Vốn ngân sách trung ương phân bổ được tính theo công thức:

$$M_i = Q \cdot X_i \cdot Y_i$$

Trong đó:

$M_i$  là vốn ngân sách trung ương phân bổ cho huyện thứ  $i$ .

$X_i$  là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện thứ  $i$ .

$Y_i$  là hệ số lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên của huyện thứ  $i$ .

$Q$  là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i \cdot Y_i}$$

$G$  là tổng số vốn ngân sách trung ương để phân bổ cho các huyện thực hiện Tiểu dự án 3 thuộc Dự án 4 của Chương trình.

5. Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin

a) Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin

Phân bổ tối thiểu 70% tổng vốn sự nghiệp từ nguồn ngân sách Trung ương của Tiểu dự án cho các huyện, thành phố và tối đa 30% cho các sở, ngành tỉnh.

Vốn sự nghiệp từ nguồn ngân sách Trung ương thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững hỗ trợ 90%/tổng kinh phí thực hiện giảm nghèo về thông tin. 10% còn lại do ngân sách tỉnh, huyện đối ứng.

Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho cấp huyện

- Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của cấp huyện

<b>Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo</b>	<b>Hệ số</b>
Dưới 5%	0,5
Từ 5% đến dưới 10%	0,6
Từ 10% đến 20%	0,7

- Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo cấp huyện

<b>Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo</b>	<b>Hệ số</b>
Dưới 2.000 hộ	0,5
Từ 2.000 đến dưới 3.000 hộ	0,6
Từ 3.000 đến dưới 4.000 hộ	0,7
Từ 4.000 đến dưới 6.000 hộ	0,8
Từ 6.000 hộ trở lên	0,9

- Tiêu chí 3: Địa bàn khó khăn

<b>Địa bàn khó khăn</b>	<b>Hệ số</b>
Mỗi một xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo	0,015

- Tiêu chí 4: Số đơn vị hành chính cấp xã của cấp huyện

<b>Số đơn vị hành chính cấp xã</b>	<b>Hệ số</b>
Dưới 15 xã	1,3



Từ 15 đến dưới 20 xã	1,5
Từ 20 xã trở lên	2

Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho cấp huyện:

Vốn ngân sách trung ương phân bổ được tính theo công thức:

$$N_i = Q.X_i.Y_i + D_i$$

Trong đó:

$N_i$  là vốn ngân sách trung ương phân bổ cho huyện thứ  $i$ .

$X_i$  là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện thứ  $i$

$Y_i$  là tổng hệ số tiêu chí vùng khó khăn, số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ  $i$  quy định tại theo công thức:  $Y_i = 0,015.XN_i + ĐV_i$ .

$XN_i$  là số xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển của huyện thứ  $i$ .

$ĐV_i$  là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ  $i$ .

$D_i$  là nhu cầu kinh phí thực hiện nội dung đặc thù giảm nghèo thông tin theo hướng dẫn của cơ quan chủ trì Tiểu dự án của huyện thứ  $i$ .

$Q$  là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G-D}{\sum_{i=1}^n X_i.Y_i}$$

Trong đó:  $G$  là tổng số vốn ngân sách trung ương phân bổ cho các huyện để thực hiện Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 6;  $D$  là tổng nhu cầu kinh phí thực hiện nội dung đặc thù giảm nghèo thông tin của các huyện.

b) Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều

Phân bổ tối thiểu 65% tổng vốn sự nghiệp từ nguồn ngân sách Trung ương của Tiểu dự án cho các huyện, thành phố và tối đa 35% cho các sở, ngành tỉnh.

Vốn sự nghiệp từ nguồn ngân sách Trung ương thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững hỗ trợ 90%/tổng kinh phí thực hiện truyền thông về giảm nghèo đa chiều. 10% còn lại do ngân sách tỉnh, huyện, thành phố đối ứng.

Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn Trung ương cho cấp huyện

- Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của cấp huyện

Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo	Hệ số
Dưới 5%	0,5
Từ 5% đến dưới 10%	0,6
Từ 10% đến 20%	0,7

- Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo cấp huyện

<b>Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo</b>	<b>Hệ số</b>
Dưới 2.000 hộ	0,5
Từ 2.000 đến dưới 3.000 hộ	0,6
Từ 3.000 đến dưới 4.000 hộ	0,7
Từ 4.000 đến dưới 6.000 hộ	0,8
Từ 6.000 hộ trở lên	0,9

- Tiêu chí 3: Địa bàn khó khăn

<b>Địa bàn khó khăn</b>	<b>Hệ số</b>
Mỗi một xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo	0,015

- Tiêu chí 4: Số đơn vị hành chính cấp xã của cấp huyện

<b>Số đơn vị hành chính cấp xã</b>	<b>Hệ số</b>
Dưới 15 xã	1,3
Từ 15 đến dưới 20 xã	1,5
Từ 20 xã trở lên	2

Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho cấp huyện:

Vốn ngân sách trung ương phân bổ được tính theo công thức:

$$P_i = Q \cdot X_i \cdot Y_i$$

Trong đó:

$P_i$  là vốn ngân sách trung ương phân bổ cho huyện thứ  $i$ .

$X_i$  là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện thứ  $i$ .

$Y_i$  là tổng hệ số tiêu chí vùng khó khăn, số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ  $i$  quy định tại theo công thức:  $Y_i = 0,015 \cdot XN_i + ĐV_i$

$XN_i$  là số xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển của huyện thứ  $i$ .

$ĐV_i$  là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ  $i$ .

$Q$  là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i \cdot Y_i}$$

$G$  là tổng số vốn ngân sách trung ương phân bổ cho các huyện để thực hiện Tiêu dự án 2, thuộc Dự án 6.

6. Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình

a) Phân bổ tối thiểu 25% tổng vốn sự nghiệp từ nguồn ngân sách Trung ương của Tiêu dự án cho các huyện, thành phố và tối đa 75% cho các sở, ngành tỉnh.



Vốn sự nghiệp từ nguồn ngân sách Trung ương thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững hỗ trợ 90%/tổng kinh phí thực hiện nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình. 10% còn lại do ngân sách tỉnh, huyện, thành phố đối ứng.

b) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho cấp huyện

Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của cấp huyện

<b>Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo</b>	<b>Hệ số</b>
Dưới 5%	0,5
Từ 5% đến dưới 10%	0,6
Từ 10% đến 20%	0,7

Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo cấp huyện

<b>Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo</b>	<b>Hệ số</b>
Dưới 2.000 hộ	0,5
Từ 2.000 đến dưới 3.000 hộ	0,6
Từ 3.000 đến dưới 4.000 hộ	0,7
Từ 4.000 đến dưới 6.000 hộ	0,8
Từ 6.000 hộ trở lên	0,9

Tiêu chí 3: Địa bàn khó khăn

<b>Địa bàn khó khăn</b>	<b>Hệ số</b>
Mỗi một xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo	0,015

Tiêu chí 4: Số đơn vị hành chính cấp xã của cấp huyện

<b>Số đơn vị hành chính cấp xã</b>	<b>Hệ số</b>
Dưới 15 xã	1,3
Từ 15 đến dưới 20 xã	1,5
Từ 20 xã trở lên	2

c) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho cấp huyện

Vốn ngân sách trung ương phân bổ được tính theo công thức:

$$R_i = Q \cdot X_i \cdot Y_i$$

Trong đó:

$R_i$  là vốn ngân sách trung ương phân bổ cho huyện thứ  $i$ .

$X_i$  là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện thứ  $i$ .

$Y_i$  là tổng hệ số tiêu chí vùng khó khăn, số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ  $i$  quy định tại theo công thức:  $Y_i = 0,015.XN_i + ĐV_i$

$XN_i$  là số xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển của huyện thứ  $i$ .

$ĐV_i$  là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ  $i$ .

$Q$  là vốn bình quân cho một huệđược tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i.Y_i}$$

$G$  là tổng số vốn ngân sách trung ương phân bổ cho các huyện, thành phố để thực hiện Dự án 7.

### **Điều 5. Tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững tỉnh Bến Tre giai đoạn 2021 – 2025**

Ngoài nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp từ ngân sách trung ương, căn cứ vào tình hình thực tế, khả năng cân đối ngân sách, các địa phương bố trí vốn từ ngân sách địa phương và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác trên địa bàn hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững theo mục tiêu kế hoạch hàng năm và 5 năm đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Hàng năm, ngân sách địa phương đối ứng tối thiểu bằng 10% tổng ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình; thực hiện theo đúng nguyên tắc, tiêu chí và định mức quy định tại Nghị quyết này. Cụ thể:

1. Đối với vốn đầu tư phát triển: Ngân sách cấp huyện đối ứng 10% tổng số vốn đầu tư phát triển của Trung ương hỗ trợ cho cấp huyện.

2. Đối với vốn sự nghiệp

a) Ngân sách cấp tỉnh đối ứng 10% tổng số vốn sự nghiệp Trung ương hỗ trợ cấp cho các đơn vị cấp tỉnh.

b) Ngân sách cấp tỉnh đối ứng 5%, ngân sách các huyện, thành phố đối ứng 5% tổng số vốn sự nghiệp Trung ương hỗ trợ cho các huyện, thành phố.

### **Điều 6. Điều khoản chuyển tiếp**

Các công trình/ dự án của các xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2016 - 2020 được chuyển tiếp thực hiện giai đoạn 2021 - 2025 (có trong Quyết định số 353/QĐ-TTg, ngày 15 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách huyện nghèo, xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021 - 2025)./.